

Số 28 /2011/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 26 tháng 9 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định một số vấn đề về công tác quy hoạch
phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đầu tư xây dựng công trình
sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Kon Tum

SỔ KẾ HOẠCH VÀ ĐẤU THẦU	
Số:	4528
Ngày:	27/9/11
Chuyên:	TN + cơ phần + LTAO

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số vấn đề về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đầu tư xây dựng công trình sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum trái với Quyết định này được bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn Phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tư pháp (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Công báo UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH1.



Nguyễn Văn Hùng

QUY ĐỊNH

Một số vấn đề về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đầu tư xây dựng công trình sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Kon Tum
(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /2011/QĐ-UBND ngày 26 /8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này áp dụng đối với các lĩnh vực, nội dung sau:

a) Công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch phát triển các sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh Kon Tum (sau đây gọi là quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội).

b) Công tác phân bổ kế hoạch vốn đầu tư và trình tự, thủ tục, trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình đối với:

- Các dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật (sau đây gọi là dự án) đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý, bao gồm: ngân sách cấp tỉnh (kể cả ngân sách Trung ương ủy quyền); ngân sách cấp huyện, xã; trái phiếu Chính phủ; thu xổ số kiến thiết và các dự án sử dụng từ nguồn thu để lại hoặc từ quỹ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau, trong đó vốn ngân sách nhà nước của tỉnh chiếm tỷ lệ phần trăm (%) lớn nhất trong tổng mức đầu tư hoặc được các bên góp vốn thoả thuận áp dụng theo phương thức quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Trường hợp sau khi điều chỉnh dự án đầu tư, tỷ lệ vốn ngân sách nhà nước thay đổi, phương thức quản lý dự án vẫn áp dụng theo phương thức quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

2. Các lĩnh vực, nội dung sau không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này:

a) Dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, NGO.

b) Các dự án đầu tư khu đô thị mới, dự án đầu tư theo phương thức đầu

giá quyền sử dụng đất, dự án lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất, các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT).

c) Các dự án, kế hoạch chi thường xuyên từ nguồn vốn ngân sách chi sự nghiệp (trừ các dự án sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước).

d) Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia; một số chương trình, dự án được Trung ương hỗ trợ đầu tư có mục tiêu nhưng không quản lý theo dự án đầu tư xây dựng công trình và các chương trình, dự án đặc thù có hướng dẫn riêng của Chính phủ hoặc các bộ, ngành Trung ương.

đ) Các dự án khắc phục hậu quả thiên tai.

e) Quy hoạch xây dựng; quy hoạch sử dụng đất.

f) Công tác quản lý đấu thầu các dự án đầu tư có sử dụng vốn ngân sách nhà nước mà tỷ lệ vốn ngân sách nhà nước chiếm ít hơn 30% tổng mức đầu tư của dự án.

g) Các dự án của doanh nghiệp sử dụng vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước; các đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ tổ chức quản lý, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình và có các hoạt động, công việc thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại khoản 1 Điều 1 Quy định này.

Điều 3. Nhiệm vụ chi vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước

Thực hiện đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước được bố trí cho các dự án đầu tư xây dựng công trình để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Việc phân cấp nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thực hiện theo quy định tại Quyết định số 50/2010/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên và phân cấp ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 - 2015.

Đối với các công trình, dự án sửa chữa, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc của các cơ quan quản lý nhà nước có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng trở xuống sử dụng từ nguồn vốn sự nghiệp mua sắm, sửa chữa tập trung ngân sách tỉnh để thực hiện.

Điều 4. Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội

Các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước khi trình Ủy ban nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch phát triển ngành có liên quan, quy hoạch xây dựng, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương II

CÔNG TÁC QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Điều 5. Kế hoạch lập mới, rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

1. Căn cứ các quy định của Trung ương và tình hình thực tế, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đề xuất việc điều chỉnh, bổ sung và lập mới quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thuộc ngành, địa phương quản lý cùng lúc với quá trình xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp.

2. Trong tháng 9 hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp đề xuất của các ngành, địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung kế hoạch điều chỉnh, bổ sung và lập mới quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ ngân sách hàng năm cho công tác quy hoạch theo kế hoạch và dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt; không bố trí kinh phí để thực hiện các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội không có trong kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 6. Lập, thẩm định và phê duyệt đề cương, dự toán quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

1. Lập đề cương nhiệm vụ quy hoạch: Tất cả các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đều phải lập đề cương nhiệm vụ quy hoạch. Đơn vị được giao nhiệm vụ lập quy hoạch (gọi tắt là cơ quan chủ trì) xây dựng đề cương nhiệm vụ quy hoạch, gửi lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương liên quan và Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán kinh phí quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội:

2.1 Lập dự toán: Cơ quan chủ trì có trách nhiệm lập dự toán chi phí quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội sau khi Đề cương nhiệm vụ quy hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Dự toán chi phí quy hoạch phải được tính đúng theo Quyết định

281/2007/QĐ-BKH, ngày 26 tháng 3 năm 2007 và Thông tư 03/2008/TT-BKH, ngày 01 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các quy định hiện hành, đồng thời phải loại trừ các khoản chi phí do kế thừa được từ các số liệu, tài liệu đã có. Việc tính toán hệ số trượt giá phải căn cứ vào chỉ số giá tiêu dùng do Cục Thống kê tỉnh Kon Tum ban hành tại thời điểm gần nhất khi lập dự toán.

2.2 Thẩm định và phê duyệt dự toán: Giao Thủ trưởng các sở chuyên ngành thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí lập mới, điều chỉnh các dự án quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thuộc ngành mình quản lý (bao gồm cả các dự án quy hoạch cấp huyện), sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 7. Tổ chức lập quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

1. Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm chính trong việc lập và trình thẩm định, phê duyệt quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Trong trường hợp cơ quan chủ trì không đủ điều kiện năng lực thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch thì mời chuyên gia, thuê tư vấn để thực hiện một số công việc nhất định trong công tác lập quy hoạch. Việc lựa chọn tư vấn lập quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thực hiện theo quy định hiện hành về công tác đấu thầu.

2. Nội dung, yêu cầu, trình tự, thủ tục lập quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội: Thực hiện theo quy định tại Nghị định 92/2006/NĐ-CP, ngày 07 tháng 9 năm 2006; Nghị định 04/2008/NĐ-CP, ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

Điều 8. Thẩm định và phê duyệt quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

1. Thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội:

Cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm có: Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư; các thành viên khác là đại diện các sở, ban, ngành, các đơn vị có liên quan và các chuyên gia am hiểu về lĩnh vực quy hoạch, khi cần thiết mời lãnh đạo các Ban xây dựng đảng của Tỉnh ủy, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể, hội, hiệp hội cấp tỉnh tham gia Hội đồng với tư cách thành viên. Thư ký Hội đồng là Lãnh đạo cấp phòng, ban thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Khi mời các chuyên gia, các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể, hội, hiệp hội cấp tỉnh tham gia Hội đồng với tư cách thành viên: Cơ quan chủ trì phải lấy ý kiến thống nhất của các tổ chức, cá nhân này trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thẩm định, phê duyệt quy hoạch:

Các thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tham gia ý kiến thẩm định bằng văn bản các nội dung của Quy hoạch, gửi cho cơ quan chủ trì và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Khi đủ điều kiện tổ chức họp Hội đồng thẩm định, cơ quan chủ trì gửi toàn bộ hồ sơ trình thẩm định đến Sở Kế hoạch và Đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, rà soát và báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định thời gian, địa điểm, thành phần, chương trình cuộc họp.

Sau khi họp thẩm định, Thư ký Hội đồng có trách nhiệm hoàn thành Biên bản thẩm định, trình Chủ tịch Hội đồng ký ban hành để làm cơ sở cho cơ quan chủ trì tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh Quy hoạch.

Trên cơ sở Quy hoạch (đã được bổ sung, hoàn chỉnh theo Biên bản thẩm định), Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định) kiểm tra, rà soát và lập Báo cáo thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 9. Công bố quy hoạch

Sau khi Quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ trì có trách nhiệm công bố rộng rãi quy hoạch bằng các hình thức phù hợp để các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân biết để thực hiện và giám sát.

Điều 10. Tổ chức thực hiện và kiểm tra, báo cáo thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

1. Mọi tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện nghiêm túc các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Công tác kiểm tra quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thực hiện theo Nghị định số 99/2006/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ. Các sở, ban, ngành Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch định kỳ hàng năm, báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 10 tháng 12 để Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Mục 1

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ

Điều 11. Điều kiện để bố trí kế hoạch vốn đầu tư hàng năm

1. Các dự án được bố trí kế hoạch vốn đầu tư hàng năm của Nhà nước khi có đủ các điều kiện sau:

a) Đối với các dự án chuẩn bị đầu tư: phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và có dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với các dự án chuẩn bị thực hiện và thực hiện đầu tư: phải có quyết định đầu tư từ thời điểm trước ngày 31 tháng 10 năm trước năm kế hoạch (*trừ các chương trình, dự án có quy định riêng của Trung ương*).

2. Đối với các dự án không thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư 02 kỳ liền hoặc 03 kỳ trở lên trong năm trước sẽ không được bố trí kế hoạch vốn năm sau.

Điều 12. Đầu mối tham mưu phân bổ kế hoạch vốn đầu tư

1. Hàng năm, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư lập và đăng ký kế hoạch vốn đầu tư với cơ quan chủ trì để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài chính thống nhất cơ cấu nguồn vốn, phương án phân bổ vốn đầu tư cho từng chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển, trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong quá trình tham gia về kế hoạch vốn đầu tư hàng năm, Sở Tài chính đồng thời thực hiện luôn nhiệm vụ thẩm tra kế hoạch phân bổ vốn đầu tư.

Căn cứ Quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo chi tiết đến từng chủ đầu tư, cơ quan quản lý có liên quan.

Đối với các dự án cấp bách cần bổ sung vào danh mục dự án để tổ chức thực hiện, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất danh mục dự án, phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính thông báo chi tiết đến từng chủ đầu tư, cơ quan quản lý có liên quan.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố có trách nhiệm tổng hợp, lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn có liên quan và trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách do cấp mình quản lý theo quy định.

5. Kế hoạch vốn đầu tư được Ủy ban nhân dân các cấp phân bổ theo khả

năng cân đối vốn và tiến độ thực hiện của từng dự án, đảm bảo không quá 03 năm đối với dự án nhóm C, không quá 05 năm đối với dự án nhóm B.

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 13. Chủ đầu tư của dự án

Việc xác định chủ đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình được thực hiện theo Điều 3, Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ. Chủ đầu tư của dự án phải được cấp có thẩm quyền quyết định trong chủ trương đầu tư xây dựng công trình, phù hợp quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Việc xác định chủ đầu tư thực hiện như sau:

1. Đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ: Chủ đầu tư dự án là Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho các cơ quan quản lý chuyên ngành hoặc ban quản lý dự án xây dựng chuyên ngành có đủ điều kiện, năng lực tổ chức thực hiện một phần nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư.

2. Đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Chủ đầu tư các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển là đơn vị quản lý, sử dụng công trình nếu có đủ điều kiện để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư.

b) Trường hợp chưa xác định được đơn vị quản lý, sử dụng công trình hoặc đơn vị quản lý, sử dụng công trình không đủ điều kiện làm chủ đầu tư thì người quyết định đầu tư có thể giao cho đơn vị có đủ điều kiện làm chủ đầu tư. Trong trường hợp đơn vị quản lý, sử dụng công trình không đủ điều kiện làm chủ đầu tư thì đơn vị sẽ quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm cử người tham gia với chủ đầu tư trong việc tổ chức lập dự án, thiết kế, theo dõi, quản lý, nghiệm thu và tiếp nhận đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

c) Trường hợp không xác định được chủ đầu tư theo quy định tại điểm b khoản này thì người quyết định đầu tư có thể ủy thác cho đơn vị khác có đủ điều kiện làm chủ đầu tư hoặc đồng thời làm chủ đầu tư.

d) Các đơn vị sự nghiệp công lập là chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn bằng nguồn thu sự nghiệp để lại theo quy định để đầu tư cơ sở vật chất của đơn vị.

đ) Các trường hợp khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xem xét quyết định đối với từng dự án đầu tư cụ thể phù hợp với phương thức đầu tư và quy mô của dự án.

Điều 14. Quy trình, thẩm quyền xem xét quyết định chủ trương đầu tư xây dựng công trình

1. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư xây dựng công trình:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách do cấp mình quản lý, trên cơ sở đề xuất của cơ quan chủ trì tham mưu chủ trương đầu tư. Trường hợp các dự án đầu tư có yêu cầu đột xuất, cấp bách, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trực tiếp quyết định chủ trương đầu tư bằng văn bản theo thẩm quyền.

b) Ủy quyền cho Thủ trưởng các sở, ngành quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn sự nghiệp, nguồn thu để lại và các quỹ đầu tư phát triển ở các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành quản lý, có mức vốn đầu tư dưới 500 triệu đồng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

2. Trình xem xét chủ trương đầu tư:

a) Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn thuộc ngân sách cấp tỉnh:

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan, căn cứ vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, thành phố; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu; quy hoạch xây dựng; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của tỉnh... đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để nghiên cứu, đề xuất các dự án đầu tư, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư:

Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư (nội dung theo mẫu tại Phụ lục số 1 đính kèm).

- Đề cương tóm tắt về dự án đầu tư (nội dung theo mẫu tại Phụ lục số 2 đính kèm).

- Văn bản đánh giá hiện trạng công trình (đối với các dự án phải tháo dỡ để đầu tư mới, cải tạo sửa chữa, mở rộng).

Hồ sơ trình phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình của các đơn vị nếu không đảm bảo theo Quy định này, các ngành chức năng không xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn thuộc ngân sách cấp huyện, cấp xã, nội dung và trình tự, thủ tục trình phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

c) Đối với các dự án Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tại điểm b, khoản 1

điều này thực hiện quy trình phê duyệt chủ trương tương tự điểm a, khoản 2 điều này tại các sở, ban, ngành.

3. Các dự án sau được xem Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất chủ trương đầu tư:

a) Các dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư phát triển đã có quyết định giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Các dự án sử dụng vốn sự nghiệp có danh mục giao vốn hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các trường hợp thuộc điểm a, b của khoản này, trước khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình, chủ đầu tư phải xin ý kiến thống nhất về quy mô đầu tư của cấp có thẩm quyền.

4. Cơ quan chủ trì tham mưu chủ trương đầu tư:

a) Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp nhận, thẩm tra tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chủ trương đầu tư đối với các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển.

- Sở Tài chính là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp nhận, thẩm tra tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chủ trương đầu tư đối với các dự án sử dụng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất xây dựng cơ bản (trừ các dự án quy định tại điểm b, khoản 2, điều này).

Định kỳ hàng quý, các cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì tham mưu chủ trương đầu tư, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 25 của tháng cuối quý (trừ những trường hợp đặc biệt có quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh).

b) Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp nhận, thẩm tra tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét chủ trương đầu tư.

c) Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

Bộ phận phụ trách Tài chính - Kế hoạch làm đầu mối chủ trì, phối hợp với các bộ phận, đơn vị liên quan tiếp nhận, thẩm tra tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét chủ trương đầu tư.

5. Cơ quan chủ trì tham mưu chủ trương đầu tư có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ trình phê duyệt chủ trương, lập báo cáo thẩm tra trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. Nội dung thẩm tra gồm:

- Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất...

- Sự cần thiết đầu tư và hiệu quả kinh tế - xã hội.

- Khả năng cân đối nguồn lực và nguồn vốn đầu tư, khả năng huy động vốn đầu tư.

- Năng lực, kinh nghiệm quản lý dự án của chủ đầu tư.

6. Trên cơ sở chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư của dự án để làm cơ sở cho việc bố trí vốn chuẩn bị đầu tư.

Điều 15. Quyết định và phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư xây dựng công trình:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp mình theo quy định.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình có sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp tỉnh: Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định đầu tư các dự án có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

3. Ủy quyền Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, có tổng mức đầu tư dưới 01 tỷ đồng.

Điều 16. Thời hạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình

Thời hạn lập dự án đầu tư không quá 12 tháng kể từ khi có quyết định chủ trương đầu tư (trừ những trường hợp có quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh). Nếu thời gian lập dự án kéo dài hơn so với quy định trên, chủ đầu tư phải có văn bản báo cáo và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Quá thời hạn quy định nêu trên mà chủ đầu tư chưa hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư nhưng không báo cáo, thì chủ trương đầu tư đó hết hiệu lực thi hành. Định kỳ hàng quý, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chủ trương đầu tư hết hiệu lực, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với các công trình cấp thiết, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển giao nhiệm vụ chủ đầu tư cho đơn vị khác thực hiện.

Điều 17. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện theo Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 16 tháng 09 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về thẩm định dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình và Quy định hoạt động của Ban Thẩm định dự án đầu tư tỉnh.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư (kể cả dự án được phân cấp quyết định đầu tư quy định tại khoản 2, Điều 15): Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì tổ chức thẩm định, trình phê duyệt theo quy định.

3. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn giao cho bộ phận chuyên môn Ủy ban nhân dân cấp xã làm đầu mối tổ chức thẩm định trình phê duyệt theo quy định.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình đặc thù thì việc thẩm định dự án thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

Điều 18. Thi tuyển và tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng

1. Việc tổ chức thi tuyển và tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư: Giao Sở Xây dựng làm cơ quan đầu mối thẩm định hình thức thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án, kế hoạch tổ chức thi tuyển, kết quả thi tuyển hoặc kết quả tuyển chọn phương án trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện theo đúng qui định.

Điều 19. Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình

1. Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ; hướng dẫn của Bộ Xây dựng và các quy định khác có liên quan.

2. Giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan:

- Căn cứ hướng dẫn của Bộ Xây dựng và tình hình biến động giá cả của địa phương tổ chức xác định và công bố kịp thời hệ thống giá xây dựng công trình, giá vật liệu, giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công phổ biến làm cơ sở tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Tổ chức thẩm định các định mức mới chưa có trong hệ thống định mức đã công bố hoặc các định mức đã có trong hệ thống định mức xây dựng được công bố nhưng chưa phù hợp với biện pháp, điều kiện thi công hoặc yêu cầu kỹ thuật của công trình để lập đơn giá trong các gói thầu sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng hình thức chỉ định thầu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 20. Quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ; Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

2. Sở Xây dựng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

3. Các sở quản lý chuyên ngành xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng thuộc chuyên ngành và địa phương mình quản lý, tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất chất lượng các công trình xây dựng thuộc chuyên ngành; định kỳ (6 tháng và 01 năm) hoặc đột xuất báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Xây dựng); Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ xây dựng theo quy định.

4. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp, toàn diện về chất lượng công trình xây dựng từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư cho đến khi kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng; có trách nhiệm thành lập hệ thống quản lý chất lượng công trình xây dựng phù hợp với quy mô, cấp và tính chất công trình xây dựng.

5. Các sở quản lý chuyên ngành xây dựng chủ trì hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng các quy trình quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng và giám định chất lượng công trình xây dựng theo quy định hiện hành.

6. Việc quản lý tiến độ, khối lượng thi công, công tác nghiệm thu xây dựng, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường xây dựng thực hiện đúng theo quy định hiện hành của nhà nước.

7. Công tác bảo trì công trình thực hiện theo Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan; Sở Xây dựng và các sở quản lý chuyên ngành có trách nhiệm hướng dẫn quản lý công tác bảo trì các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh theo quy định.

8. Giao Sở Xây dựng hướng dẫn chi tiết công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Điều 21. Điều chỉnh dự án

1. Đối với các dự án thuộc đối tượng phải giám sát, đánh giá đầu tư nhưng chưa thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định thì không được phép điều chỉnh dự án đầu tư.

2. Dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên (trừ các dự án quy định tại Khoản 1, Điều này) được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc sự kiện bất khả kháng khác;

b) Xuất hiện các yếu tố đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án;

c) Khi quy hoạch xây dựng thay đổi trực tiếp ảnh hưởng đến địa điểm, quy mô, mục tiêu của dự án;

d) Các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.

3. Khi việc điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án hoặc vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư quyết định; trường hợp điều chỉnh dự án không làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án và không vượt tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư được tự quyết định.

4. Nội dung điều chỉnh dự án phải được thẩm định trước khi quyết định.

5. Đối với các dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư: Nếu do thay đổi cơ chế chính sách, làm tổng mức đầu tư tăng cao hơn mức vốn được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp hoặc ủy quyền thì người được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp hoặc ủy quyền quyết định điều chỉnh dự án. Trường hợp thay đổi quy mô, mở rộng, bổ sung thêm các hạng mục của dự án (so với quyết định đầu tư ban đầu) làm tổng mức đầu tư tăng cao hơn mức vốn được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp hoặc ủy quyền thì người được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp hoặc ủy quyền phê duyệt dự án phải báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) xem xét, quyết định trước khi điều chỉnh dự án.

Điều 22. Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình

Chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán của dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định của Chính phủ và gửi các văn bản phê duyệt đến cơ quan quyết định đầu tư, cơ quan xem xét thiết kế cơ sở và cơ quan đầu mối tổng hợp kế hoạch đầu tư để theo dõi chậm nhất trong vòng 10 ngày làm việc.

Điều 23. Quản lý đấu thầu

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý Nhà nước về đấu thầu các dự án đầu tư xây dựng; chịu trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện các nội dung về công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; kiểm tra, thanh tra và tổng hợp báo cáo công tác đấu thầu các dự án đầu tư thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

2. Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện là cơ quan đầu mối về quản lý đấu thầu các dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Điều 24. Công tác giám sát, đánh giá đầu tư

1. Việc giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình được thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 1, Luật số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009; Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, xây dựng kế hoạch giám sát, đánh giá đầu tư hàng năm, chịu trách nhiệm tổng hợp việc thực hiện các nhiệm vụ về công tác giám sát, đánh giá đầu tư của tỉnh; hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư đối với các ngành, các cấp có triển khai dự án; đánh giá tổng thể việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư dự án theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các sở, ban, ngành và các chủ đầu tư khác: Chỉ đạo, theo dõi, tổng hợp và giám sát, đánh giá đầu tư các dự án được làm chủ đầu tư; định kỳ gửi báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện các nhiệm vụ quy định về giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý của mình; chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng các báo cáo và về các hậu quả do không tổ chức thực hiện việc giám sát, đánh giá đầu tư hoặc không báo cáo theo quy định.

Điều 25. Giấy phép xây dựng công trình.

Trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng công trình (trừ những công trình được miễn giấy phép xây dựng theo

quy định). Việc xin giấy phép xây dựng công trình, hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng, thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng thực hiện theo các Mục 2, Chương III, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ, Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ và quy định khác có liên quan.

Điều 26. Thanh toán và quyết toán vốn đầu tư

1. Các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước được kiểm soát và thanh toán theo quy trình kiểm soát và thanh toán vốn đầu tư do Bộ Tài chính và Kho bạc Nhà nước quy định.

2. Kho bạc Nhà nước tỉnh phân giao nhiệm vụ cụ thể giữa Kho bạc Nhà nước tỉnh với Kho bạc Nhà nước các huyện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các quy định khác của pháp luật và các quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện không cấp phát vốn đối với các công trình xây dựng cơ bản mà chủ đầu tư chưa thực hiện đúng theo quy định tại văn bản này, quy định của tỉnh về quản lý chất lượng công trình và các quy định khác của pháp luật.

Điều 27. Quyết toán dự án hoàn thành

1. Công tác quyết toán dự án hoàn thành hoặc hạng mục hoàn thành dự án được thực hiện theo Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

Người quyết định đầu tư là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý tổ chức thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành trước khi phê duyệt.

2. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có tổng mức đầu tư từ 07 tỷ đồng trở xuống.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các chủ đầu tư khác có liên quan có trách nhiệm quyết toán dự án hoàn thành đảm bảo đúng thời gian quy định. Trường hợp quá thời gian quy định mà vẫn chưa quyết toán dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ không giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư các dự án tiếp theo.

4. Giao Sở Tài chính chủ trì tổng hợp tình hình quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo.

Điều 28. Xử lý vi phạm

1. Chủ đầu tư dự án phải chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định, đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả xây dựng của dự án theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về quản lý đầu tư và xây dựng, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, giải quyết thủ tục hành chính nếu vi phạm quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình, tùy theo mức độ vi phạm phải được xem xét xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư chịu trách nhiệm cá nhân và bị xử lý theo quy định của pháp luật về quyết định của mình đối với những dự án đầu tư không hiệu quả, gây thất thoát hoặc lãng phí ngân sách Nhà nước.


Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 29. Trách nhiệm các cơ quan liên quan

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm củng cố tổ chức, phân công nội bộ, bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung tại Quy định này.

Cơ quan hành chính nhà nước các cấp phải công bố công khai quy trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ đối với từng loại thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng công trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Thanh tra tỉnh, Thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm tổ chức thanh tra theo quy định, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các chủ đầu tư khác phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để xem xét, xử lý. 



Nguyễn Văn Hùng

PHỤ LỤC SỐ 1

*(Kèm theo Quyết định số 28 /2011/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 9 năm /2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
TRỰC TIẾP CHỦ ĐẦU TƯ
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTr-..... , Ngày tháng năm.....

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình
(Tên dự án).....

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư ;
- ...

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số /2011/QĐ-UBND ngày / /2011 của UBND tỉnh V/v ban hành Quy định một số vấn đề về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đầu tư xây dựng công trình sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Kon Tum;

Căn cứ

.....(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và Chủ đầu tư) trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư(tên dự án), theo những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án:
2. Địa điểm:
3. Chủ đầu tư:
4. Sự cần thiết phải đầu tư:

5. Nội dung và quy mô đầu tư: *(phân tích và nêu rõ quy mô đầu tư)*
 6. Kinh phí đầu tư và nguồn vốn:.....
 7. Kinh phí chuẩn bị đầu tư:.....
 8. Nguồn vốn chuẩn bị đầu tư:.....
 9. Thời gian thực hiện chuẩn bị đầu tư: *(Bắt đầu và kết thúc)*
 10. Hình thức quản lý dự án:
- (Có hồ sơ kèm theo)*

Kính trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt./.

**CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
(Ký tên, đóng dấu)

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký tên, đóng dấu)

(Đối với trường hợp chủ đầu tư của dự án không phải là Sở, ngành và huyện, thành phố hoặc tương đương trực thuộc UBND tỉnh)

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

- Lưu.

PHỤ LỤC SỐ 2

(Kèm theo Quyết định số 28 /2011/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 9 năm /2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐỀ CƯƠNG TÓM TẮT VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Tờ trình số /TTr.... ngày .././... của(Chủ đầu tư)

Thiết minh rõ một số nội dung sau:

1. Căn cứ pháp lý
2. Tên dự án.....
3. Chủ đầu tư.....
4. Địa điểm xây dựng công trình (*thuyết minh sơ bộ hiện trạng khu đất*)...
5. Sự cần thiết đầu tư.....
6. Sự phù hợp với quy hoạch (*quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, thành phố; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu; quy hoạch xây dựng; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của tỉnh; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất...*).....
7. Nội dung và quy mô đầu tư dự kiến (*phân tích và nêu rõ quy mô đầu tư*).....
8. Diện tích đất bị ảnh hưởng.....
9. Số hộ di dời, tái định cư (*nếu có cần nêu Phương án tái định cư*)
10. Hình thức đầu tư.....
11. Dự kiến tổng mức và nguồn vốn đầu tư (*trong đó có ước tính các loại chi phí: Xây lắp, thiết bị, khác, bồi thường giải phóng mặt bằng...*)
12. Dự kiến kinh phí và nguồn vốn thực hiện công tác CBĐT
13. Thời gian thực hiện công tác CBĐT
14. Hình thức quản lý dự án.....

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Kèm theo Quyết định số 28 /2011/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 9 năm /2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình:
(tên dự án).....**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số /2011/QĐ-UBND ngày / /2011 của UBND tỉnh V/v ban hành Quy định một số vấn đề về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đầu tư xây dựng công trình sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Kon Tum;

Căn cứ

Theo đề nghị của(chủ đầu tư) tại Tờ trình số /TTr- ... ngày... tháng... năm và của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số /SKHĐT-TH ngày tháng..... năm,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình:
..... (tên dự án) với nội dung sau:

1. Tên dự án:
2. Địa điểm:.....
3. Chủ đầu tư:.....

4. Nội dung và quy mô đầu tư:
5. Kinh phí đầu tư và nguồn vốn:.....
6. Kinh phí chuẩn bị đầu tư:.....
7. Nguồn vốn chuẩn bị đầu tư:.....
8. Thời gian thực hiện chuẩn bị đầu tư: (*Bắt đầu và kết thúc*)
9. Hình thức quản lý dự án:

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm lập thủ tục đầu tư theo đúng quy định hiện hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư,; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và(chủ đầu tư) căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 2 (thực hiện);
-
- Lưu:.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**